

XUẤT KHẨU GẠO Ở VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC (1858-1945)

TRẦN VIỆT NGHĨA*

Trong thời kỳ Pháp thuộc gạo là mặt hàng xuất khẩu chiến lược có giá trị kinh tế cao nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, xuất khẩu gạo chỉ đem lại lợi ích to lớn cho tư bản Pháp, Hoa thương và địa chủ, còn đa số nông dân - những người trực tiếp làm ra hạt gạo lại sống trong sự đói nghèo cùng cực. Hạt gạo xuất khẩu không chỉ gắn liền với đời sống kinh tế, mà còn liên quan chặt chẽ đến các vấn đề chính trị, xã hội, phong trào đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. Xuất khẩu gạo trong thời kỳ thực dân Pháp xâm lược: 1858-1886

Trước khi thực dân Pháp xâm lược thì gạo là một trong những mặt hàng bị triều Nguyễn kiểm soát chặt chẽ nhất. Trong thời kỳ chiến tranh với quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh từng xuất khẩu gạo để lấy tiền mua những hàng hóa thiết yếu từ nước ngoài, đặc biệt là vũ khí. Nguồn gạo dồi dào ở đất Nam Kỳ đã góp phần giúp ông đánh bại quân Tây Sơn. Năm 1802 ông lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long.

Tháng 2-1803, vua Gia Long lấy cớ dân Gia Định bị đói và giá gạo lên cao để ra Sắc

dụ cấm xuất khẩu gạo đầu tiên (1). Sắc dụ này ban ra trong bối cảnh dân đói là hợp lý, nhưng là cơ sở nền tảng cho chính sách cấm xuất khẩu gạo về sau. Năm 1816, nhà vua ra đạo luật *Cấm ra biển* trong đó có cấm xuất khẩu gạo: "Cấm thuyền buôn chở riêng gạo, hóa vật thông thường với nước ngoài. Kẻ nào vi phạm thì lấy luật ra riêng bờ cõi và luật phạm cấm ra biển để xử. Thuyền và hàng hóa sung công. Quan sở tại biết mà có ý dung túng thì cùng tội" (2).

Các vị vua kế tiếp là Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức đều cố gắng kiểm soát gạo. Triều đình cấm dân chúng không được bán gạo cho thuyền buôn nước ngoài và thuyền buôn nước ngoài đến mua gạo. Nếu kẻ bán người mua bị phát giác sẽ bị triều đình xử lý theo pháp luật. Tuy đưa ra những hình phạt hà khắc, nhưng triều đình vẫn không kiểm soát được nạn buôn lậu gạo trong nước. Gạo vẫn bị thâm lậu ra nước ngoài. Trước tình hình buôn lậu gạo gia tăng, năm 1847 Tổng đốc Ngụy Khắc Tuân dâng sớ xin triều đình bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo. Vua Thiệu Trị đã bác bỏ bản sớ này. Đến đầu đời vua Tự Đức tình hình xuất khẩu gạo lậu vẫn diễn biến rất phức tạp.

* TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV-DHQGHN

Mặc dù cấm tư thương xuất khẩu gạo, nhưng triều đình vẫn đưa một số thuyền chở gạo bán cho một số nước láng giềng để có tiền mua những hàng ngoại thiết yếu. Thực tế là triều Nguyễn nắm độc quyền trong xuất khẩu gạo.

Chính sách cấm xuất khẩu gạo có từ thời Gia Long, nhưng xét cả một tiến trình thì nó nằm trong chính sách hạn chế buôn bán và đóng cửa của triều Nguyễn. Trong bối cảnh kinh tế, chính trị khủng hoảng thì sự độc quyền gạo của triều Nguyễn là một trong những biện pháp để tăng quyền lực của chính quyền trung ương. Triều Nguyễn muốn hạ giá gạo để tăng uy tín đối với dân nghèo và ổn định xã hội. Ngoài ra giá gạo hạ còn giúp triều Nguyễn dễ tích trữ được quân lương và tổ chức cứu đói dân nghèo khi mất mùa.

Chính sách cấm xuất khẩu gạo của triều Nguyễn đã làm cho các hoạt động mua bán gạo trong nước và xuất khẩu gạo ra thị trường quốc tế gặp rất nhiều khó khăn, trái với tính tự nhiên của quy luật cung cầu. Bất chấp sự nghiêm cấm của triều đình, nông dân nhiều nơi vẫn lén lút bán gạo cho thương nhân. Lợi dụng kẽ hở của luật pháp và các quan chức tham lợi nên hạt gạo Việt Nam vẫn bí mật xuất ra thị trường quốc tế.

Năm 1858 thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Đến năm 1867 chúng chiếm trọn Nam Kỳ lục tỉnh. Việc triều Nguyễn để mất Nam Kỳ, vừa lớn nhất cả nước, đã tác động xấu đến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Quân lương của triều Nguyễn bị thiếu hụt, đời sống của nhân dân Trung Kỳ và Bắc Kỳ gặp khó khăn do mất nguồn cung gạo từ Nam Kỳ. Sau khi triều Nguyễn mất quyền kiểm soát Nam Kỳ thì hoạt động xuất khẩu gạo ở đây diễn ra tự do.

Hoạt động xuất khẩu gạo trong thời kỳ 1860-1866 chủ yếu diễn ra trên địa bàn miền Đông Nam Kỳ và chịu nhiều tác động của chiến tranh. Thương nhân Pháp chưa mặn mà với thị trường Nam Kỳ là do họ quan tâm nhiều hơn đến các thị trường truyền thống và các thuộc địa mà ở đó tình hình chính trị đã ổn định. Tổng số gạo Nam Kỳ xuất khẩu trong thời kỳ này là 426.003 tấn, trung bình 60.857 tấn/năm. Lượng gạo xuất khẩu tăng nhanh sau khi thực dân Pháp thôn tính xong Nam Kỳ. Trong thời kỳ 1867-1896 Nam Kỳ xuất khẩu được 12.206.836 tấn gạo, trung bình 406.895 tấn/năm (3). Số lượng gạo xuất khẩu tăng nhưng không ổn định mà có sự biến động đáng kể theo năm do mất mùa, chiến tranh và thị trường không ổn định. Gạo trở thành mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao nhất, chiếm tới gần 6/7 tổng giá trị xuất khẩu.

Bên cạnh một số thị trường truyền thống ở châu Á, gạo Nam Kỳ đã được xuất sang một số thị trường mới như Pháp và một số nước châu Âu. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ chính của gạo Nam Kỳ. Nếu như năm 1878 Trung Quốc nhập của Nam Kỳ 1.768 tấn gạo thì đến năm 1895 là 163.000 tấn (4). Lượng gạo xuất khẩu sang Pháp còn rất khiêm tốn, chỉ chiếm 1/10 tổng giá trị hàng xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Nam Kỳ thời kỳ 1891-1896 đạt 388.551.936 fr (francs: pho răng), trung bình 64.758.656 fr/năm (5). Năm 1892 giá trị gạo xuất khẩu sang Pháp đạt 6.882.000 fr, thì đến năm 1896 giảm xuống còn 5.634.542 fr (6).

Trong khi hoạt động xuất khẩu gạo ở Nam Kỳ qua cảng Sài Gòn diễn ra sôi nổi thì ở Bắc Kỳ lại khá ảm đạm. Hoa thương tuy chi phối hoạt động xuất khẩu gạo ở Bắc Kỳ, nhưng họ không đặt mối quan hệ buôn

bán trực tiếp với người nông dân như ở Nam Kỳ. Họ chở gạo từ các nơi đến cảng Hải Phòng rồi đưa lên tàu chở đi các nước, chủ yếu là Hồng Kông. Hoa thương ở Bắc Kỳ có khi nhận được sự ưu đãi từ phía chính quyền sở tại. Năm 1866 Hoa thương đến mua gạo ở cảng Hải Phòng được miễn thuế 5 năm vì trước đó họ giúp chính quyền đánh đuổi bọn cướp biển ở vịnh Hạ Long và cửa sông Cẩm. Trong khi đó Hoa thương ở Hải Dương và Nam Định phải đóng thuế là 4.091 lạng bạc để mua 1.364.260 cân gạo (tương đương 818,5 tấn nò) (7). Tỉnh Hải Dương quy định Hoa thương chỉ có 8-9 ngày để mua gạo chở đi và nếu ở quá hạn sẽ bị coi là gian thương và bị bắt giữ.

Năm 1872 một thương nhân Pháp là Jean Dupuis đã xâm nhập Bắc Kỳ bất hợp pháp qua đường sông Hồng nên bị chính quyền sở tại tạm giữ lại. Năm 1873 quân Pháp lấy cớ ra Bắc Kỳ để xử lý hộ triều Nguyễn vụ J.Dupuis nhưng thực chất là để xâm lược. Để đổi lại việc quân Pháp rút khỏi Bắc Kỳ, triều Nguyễn đã ký với chúng bản Hiệp ước Giáp Tuất (1874) chấp nhận tự do hóa các tuyến thương mại ở Bắc Kỳ. Phản ứng lại triều Nguyễn vẫn duy trì chính sách cấm xuất khẩu gạo ở Bắc Kỳ, Hoa thương đã gửi thư tới Lãnh sự Pháp ở Hải Phòng nhờ can thiệp. Trong những kiến nghị gửi năm 1879-1880, họ dọa nếu tình trạng này vẫn tiếp tục thì sẽ rời bỏ thành phố. Họ muốn chính quyền cho xuất khẩu gạo, vận chuyển tự do trên các con sông và bãi bỏ thuế nhập khẩu nội địa.

Năm 1880 trong một bức thư gửi Toàn quyền Đông Dương, Lãnh sự Pháp ở Hải Phòng đã vui mừng thông báo ngoại thương Bắc Kỳ đang phát triển. Trong năm này đã có 25.630 tấn gạo được xuất cảng và thu được 5 triệu fr. Năm 1881 lệnh cấm xuất khẩu gạo được bãi bỏ (8).

Năm 1882, quân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai. Năm 1884, triều Nguyễn ký Hiệp ước Patenôtre dâng trọn Việt Nam cho thực dân Pháp. Sau khi chiếm trọn Việt Nam thực dân Pháp đã xếp Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào danh mục thị trường nhập khẩu gạo Nam Kỳ. Một mặt chúng vớt vét gạo Bắc Kỳ xuất khẩu, mặt khác đưa gạo Nam Kỳ (đã đánh thuế như gạo xuất khẩu) ra bán để ăn chênh lệch. Đối với Bắc Kỳ việc sản xuất gạo đủ ăn đã là khó nói gì đến thừa mứa để xuất khẩu. Thực dân Pháp thu gom gạo ở Bắc Kỳ xuất khẩu càng làm cho tình trạng khan hiếm gạo ở đây thêm căng thẳng, giá gạo vì thế cũng leo thang và buộc phải nhập khẩu gạo từ Nam Kỳ. Người Pháp nhận đó trực lợi lớn do chênh lệch giá gạo giữa Bắc Kỳ và Nam Kỳ khá cao. Năm 1887 Bắc Kỳ mất mùa nhưng người Pháp vẫn xuất cảng 1.796 tấn gạo và nhập 45.000 tấn gạo Nam Kỳ (9).

2. Xuất khẩu gạo trong hai đợt khai thác thuộc địa: 1897-1929

Trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914), thực dân Pháp đã thực hiện một số chính sách để tăng lượng gạo xuất khẩu ở Việt Nam như tạo điều kiện cho tư bản Pháp và địa chủ cướp đoạt ruộng đất của nông dân để tập trung ruộng đất; khuyến khích khai hoang lập đồn điền; đầu tư cho hệ thống thủy nông; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; phát triển hạ tầng cơ sở; độc chiếm thị trường...

Tổng lượng gạo Nam Kỳ xuất khẩu trong thời kỳ 1897-1913 là 14.061.697 tấn, trung bình 827.159 tấn/năm (10). So với thời kỳ 1860-1896 tổng lượng gạo xuất khẩu trong 37 năm chỉ đạt 12.776.603 tấn, thì đến thời kỳ này thực dân Pháp chỉ mất một nửa số thời gian trên đã xuất khẩu được hơn 14 triệu tấn.

Mặc dù đạt được những thành tựu ấn

tượng trong xuất khẩu gạo nhưng tăng không ổn định theo các năm. Năm 1905 số lượng gạo xuất khẩu chỉ đạt 510.400 tấn, nhưng đến năm 1907 tăng vọt lên 1.264.143 tấn. Mất mùa là nguyên nhân chính dẫn đến lượng gạo xuất khẩu tăng không đều. Trong các năm 1902-1906 do thiên tai gây mất mùa liên tiếp nên lượng gạo xuất khẩu giảm trung bình 17.049 tấn/năm so với thời kỳ 1897-1901.

Với sức xuất khẩu gạo mạnh mẽ của Nam Kỳ, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo. Tổng số gạo xuất khẩu của Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam trong thời kỳ 1899-1913 là 12.660.000 tấn (11). Trung Quốc tiêu thụ tới 3/4 tổng số gạo xuất khẩu của Việt Nam. Do được ưu đãi thuế nên số lượng gạo Việt Nam xuất khẩu sang Pháp bắt đầu tăng nhanh. Trong thời kỳ 1900-1913 Nam Kỳ xuất sang Pháp với mức trung bình là 124.000 tấn gạo/năm (chiếm khoảng 1/4 tổng lượng gạo xuất khẩu của Nam Kỳ) (12). Pháp trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam ở thị trường châu Âu.

Trong đợt khai thác này tuy thực dân Pháp tăng cường xuất khẩu thêm nhiều mặt hàng khác như chè, cao su, dầu và ngô, nhưng gạo vẫn chiếm hơn 60% tổng lượng xuất khẩu của Việt Nam. Toàn quyền Klobukowsky chủ trương không nên để gạo chi phối nền kinh tế, nhưng người Pháp vẫn ra sức xuất khẩu gạo vì nó mang lại siêu lợi nhuận.

Trong thời kỳ diễn ra Thế chiến thứ nhất (1914-1918), hoạt động xuất khẩu gạo ở Việt Nam khá ổn định. Trong các năm 1915-1917 thiên tai xảy ra liên tục ở cả ba kỳ đã làm cho sản lượng gạo bị giảm sút. Lẽ ra thực dân Pháp phải cắt giảm gạo xuất khẩu để đảm bảo nhu cầu lương thực ở Việt Nam, nhưng lượng gạo xuất khẩu lại tăng

với số lượng lớn. Trong thời kỳ 1914-1918 Nam Kỳ xuất khẩu 6.321.486 tấn gạo, trung bình 1.264.296 tấn/năm (13). Do chiếm tới 65,3% trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu nên gạo vẫn vững vàng ở vị trí số một trong danh mục các mặt hàng xuất khẩu cả về lượng và giá trị (14).

Nhân cơ hội nước Pháp bận mải với chiến tranh, Hoa thương tiếp tục củng cố vị trí của mình trong hoạt động xuất khẩu gạo. Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam. Do chiến tranh nên số lượng gạo xuất sang thị trường Pháp và châu Âu giảm đáng kể. Trong thời kỳ 1914-1918, tổng số gạo xuất sang Pháp là 713.877 tấn và châu Âu là 21.381 tấn (15).

Trong đợt khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929), thực dân Pháp đã tập trung vốn đầu tư rất mạnh vào nông nghiệp, từ 52 triệu fr (1924) tăng lên 400 triệu fr (1927) (16). Chúng tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho địa chủ bản xứ và tư bản Pháp cướp đoạt ruộng đất của nông dân. Các đồn điền có quy mô lớn ra đời ngày càng nhiều. Tốc độ tư bản hóa trong nông nghiệp diễn ra nhanh. Hệ thống thủy nông, kỹ thuật, giống cây trồng, phân bón và hạ tầng cơ sở được đầu tư hơn so với trước. Nhờ đẩy mạnh tiến trình tập trung ruộng đất và đầu tư vốn nên diện tích và sản lượng lúa tăng đáng kể, do đó lượng gạo xuất khẩu cũng tăng theo.

Tổng lượng gạo xuất khẩu trong thời kỳ 1919-1929 đạt 14.079.238 tấn, trung bình 1.279.930 tấn/năm (17). Cũng trong thời kỳ 1920-1929, trung bình mỗi năm giá trị gạo xuất khẩu đạt 1.673.106.100 fr (18).

Số lượng gạo xuất khẩu tuy tăng nhưng không phải là một chuỗi liên tục. Đầu năm 1919 do Nam Kỳ bị mất mùa nên việc thu mua gạo rất khó khăn. Để có gạo xuất

khẩu, chính quyền thuộc địa đã phải quy định mức xuất khẩu tối đa là 20.000 tấn/tháng, sau nâng lên 60.000 tấn/tháng theo tỷ lệ 2/3 cho các nhà xuất khẩu Pháp và 1/3 cho Hoa thương. Quy định này lúc đầu tỏ ra có hiệu quả, nhưng đến tháng 6-1919 thì khó khăn mới nảy sinh. Do sản lượng thóc thu hoạch thấp hơn nhiều mức dự kiến từ 800.000 tấn xuống gần 540.000 tấn. Trong khi đó chính quyền yêu cầu 300.000 tấn, nghiệp đoàn các nhà xuất khẩu yêu cầu 250.000 tấn và các chính phủ nước ngoài yêu cầu 100.000 tấn (19). Nạn đói lan rộng ra khắp các tỉnh Nam Kỳ. Lo sợ dân đói có thể làm bùng phát các hoạt động chống Pháp nên đến tháng 7-1919 Toàn quyền Đông Dương đã ra lệnh *Cấm xuất khẩu gạo*. Do được mùa vào vụ cuối năm nên hoạt động xuất khẩu gạo ở Nam Kỳ dần trở lại bình thường. Năm 1919 cả Nam Kỳ xuất khẩu được 762.529 tấn gạo và cũng là năm duy nhất trong thời kỳ 1919-1929 xuất khẩu dưới 1 triệu tấn gạo.

Trong thời kỳ này gạo Nam Kỳ bắt đầu vấp phải sự cạnh tranh gay gắt từ gạo Xiêm (Thái Lan) và gạo Miến Điện (Mianma). Lượng gạo xuất sang Indônêxia và Philípın giảm do họ mua gạo Xiêm và Miến Điện có giá rẻ hơn. Philípın còn đánh thuế cao vào gạo nước ngoài nhằm bảo hộ cho nền nông nghiệp trong nước. Trung Quốc giảm lượng gạo nhập khẩu do khủng hoảng tiền tệ và tuyến đường vận tải giữa Hồng Kông và Quảng Đông thiếu an toàn. Pháp và châu Âu cũng giảm lượng nhập khẩu gạo từ Nam Kỳ. Trong thời kỳ 1919-1923, số lượng gạo Nam Kỳ xuất khẩu sang Pháp là 368.247 tấn và châu Âu là 230.560 tấn (20). Trong khi các thị trường chủ chốt giảm thì thị trường châu Mỹ lại tăng lượng gạo nhập từ Việt Nam.

Không phải là trọng điểm xuất khẩu gạo, nhưng trong 11 năm (1919-1929) Bắc Kỳ đã xuất được 1.838.167 tấn gạo, trung bình mỗi năm xuất cảng được 167.113 tấn gạo (21). Số lượng gạo xuất khẩu của Bắc Kỳ ít hơn rất nhiều so với Nam Kỳ. Thực dân Pháp vơ vét gạo Bắc Kỳ xuất cảng là để làm thị trường gạo ở đây luôn khan hiếm rồi đem gạo Nam Kỳ ra bán với giá cao để thu lợi. Đây là một mảnh khoe trong kinh doanh của người Pháp.

3. Hoạt động xuất khẩu gạo trong thời kỳ 1930-1945

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã có tác động rất lớn đến tình hình xuất khẩu gạo ở Việt Nam. Từ năm 1930 giá gạo bị trượt dốc mạnh. Giá một tạ gạo vào thời điểm tháng 4-1930 là 13,10 \$, tháng 7-1931 là 5,62\$, tháng 11-1933 là 3,20 \$ (22) và đến năm 1934 chỉ còn là 1,88 \$.

Trong 6 năm (1930-1935) Bắc Kỳ chỉ xuất khẩu được 233.163 tấn gạo. Tuy Nam Kỳ vẫn xuất khẩu được 8.965.000 tấn gạo, trung bình 1.280.714 tấn/năm (23), nhưng giá trị kinh tế thấp, chỉ bằng 1/3 so với trước khủng hoảng.

Tổng giá trị xuất khẩu gạo và các sản phẩm từ gạo thời kỳ 1930-1934 chỉ đạt 3.357 triệu fr, trung bình 671 triệu fr/năm (24). Tiền thu được ít không chỉ tác động xấu tới đời sống nông dân, mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới các nhà xuất khẩu, địa chủ và Hoa thương. Một bộ phận trong số họ bị phá sản do dốc hết vốn đầu tư vào nông nghiệp. Ngoài nguồn vốn tự có họ phải vay thêm của ngân hàng, khi giá gạo xuống quá thấp thì số tiền thu về không đủ trả nợ ngân hàng, nên tài sản của họ bị phát mại. Sự lạc quan về xuất khẩu gạo trước khủng hoảng đã tan biến, thay vào đó là một bầu không khí ảm đạm bao trùm lên các nhà xuất khẩu gạo.

Trong thời kỳ 1930-1935, số lượng gạo Nam Kỳ xuất khẩu sang Pháp đạt 2.425.000 và thuộc địa của Pháp đạt 423.000 tấn (25). Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn là nhà nhập khẩu gạo lớn nhất khi nhập tới gần 40% lượng gạo xuất khẩu của Nam Kỳ. Các thị trường khác ở châu Á do khủng hoảng kinh tế cũng giảm số lượng nhập khẩu gạo Nam Kỳ xuống còn vài nghìn tấn/năm.

Tuy giảm nhưng gạo và các mặt hàng xuất khẩu từ gạo vẫn chiếm tới 49,2% tổng giá trị hàng xuất khẩu ở Việt Nam, đứng sau là ngô (14%), cao su (8,4%), than (5,6%) (26).

Trong thời kỳ 1936-1939 nền kinh tế Việt Nam có những dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng. Gạo lấy lại đà xuất khẩu khá mạnh. Tổng số gạo xuất khẩu trong 4 năm này đạt 5.909.000 tấn, trung bình 1.477.250 tấn/năm (27). Tuy xuất khẩu tăng nhưng Việt Nam không giữ được vị trí thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo nữa.

Năm 1938 một số khu vực sản xuất lúa trọng điểm của Nam Kỳ bị mất mùa như Châu Đốc, Cần Thơ, An Giang và Long Xuyên đã làm giảm đáng kể lượng gạo xuất khẩu. Với lượng nhập khẩu lên tới 3.285.000 tấn, Pháp và các thuộc địa của Pháp trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn nhất của Nam Kỳ, Trung Quốc rơi xuống vị trí thứ hai với 1.013.000 tấn (28).

Số lượng gạo Bắc Kỳ xuất khẩu trong những năm 1936-1938 vẫn thấp và tiếp tục giảm, chỉ đạt 176.152 tấn, trung bình 58.717 tấn (29). Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm này là do thiên tai gây mất mùa.

Năm 1940 Nhật xâm lược Việt Nam. Sau đó Nhật và Pháp đã cấu kết với nhau để cùng thống trị và bóc lột nhân dân ta. Hoạt động xuất khẩu gạo ở Việt Nam vì thế mà có nhiều biến động. Với bản hiệp ước

ngày 6-5-1941 Nhật đã buộc Pháp hàng năm phải cung cấp đủ nhu cầu lương thực cho Nhật. Từ đây Pháp vừa phải vớt gạo cung cấp cho Nhật, vừa vớt riêng cho mình.

Thực dân Pháp đã thiết lập ở Sài Gòn *Ban chỉ đạo mua bán xuất khẩu lúa gạo và các sản phẩm phụ*. Ban này chỉ đạo việc thực hiện mọi dịch vụ từ thu mua đến xuất khẩu gạo và các sản phẩm phụ để cung ứng cho chính quốc, thuộc địa và làm nghĩa vụ với Nhật. Ban chỉ đạo sẽ cấp giấy phép xuất khẩu, ấn định tỷ lệ về khối lượng, số lượng và giá cả.

Dù ra sức vớt gạo nhưng Pháp không đáp ứng đủ định mức mà Nhật yêu cầu. Người Nhật vì thế nghi ngờ sự thiếu thiện chí của người Pháp. Vì vậy ngày 30-12-1941 Pháp thành lập *Liên đoàn gạo và ngô* để vớt trên quy mô lớn nhằm đảm bảo cung cấp đủ số lượng gạo cho Nhật và xuất khẩu. Pháp còn thành lập *Hội buôn thóc* để kiểm kê gạo, tình trạng và hoạt động của các kho tích trữ gạo, điều hoà khả năng chế biến gạo thành phẩm, bảo đảm việc giao nộp và xuất khẩu gạo.

Thực dân Pháp ép buộc nông dân phải khai rõ số thóc thu hoạch và dự trữ, đóng thời tổ chức các đội quân đến tận các làng xã thu mua thóc. Chúng thu mua thóc theo giá quy định và cản trở việc lưu thông gạo trên thị trường. Các điền chủ phải bán cho chúng 1,5-2,0 tạ thóc/mẫu với giá 13 \$/tạ (1943) và 25 \$/tạ (1944) (31). Người Nam Kỳ không phải khai báo số lượng gạo dự trữ của mình nếu có dưới 250 giạ (20kg/giạ) năm 1942 và 400 kg thóc hoặc 200 kg gạo năm 1944.

Trước sự thúc ép của Nhật, Pháp thành lập *Ủy ban ngũ cốc* để đảm bảo cho xuất khẩu và nộp đủ số gạo, ngô và các sản phẩm phụ cho Nhật. Ủy ban còn lãnh đạo và kiểm soát các tổ chức trung gian, các nhóm sản xuất, nhà máy xay xát, đóng bao,

vận chuyển, các nghiệp vụ mua bán và ký gửi ngũ cốc tại Đông Dương.

Từ khi Nhật nhảy vào Việt Nam số lượng gạo xuất khẩu đã giảm đi đáng kể. Tổng số gạo xuất khẩu trong thời kỳ 1940-1945 đạt 5.071.613 tấn, trung bình 845.269 tấn/năm. Năm 1940 Việt Nam xuất khẩu được 1.586.476 tấn gạo, thì đến năm 1945 chỉ còn là 44.817 tấn (32). Nguyên nhân của tình trạng giảm sâu này là do từ cuối năm 1943, không quân Mỹ tiến hành các cuộc không kích ở Việt Nam đã làm cho việc vận chuyển gạo trên bộ và trên biển gặp nhiều khó khăn, Nhật bắt nông dân nhổ lúa để trồng đay và thầu dầu với một diện tích khá lớn và cuối năm 1944 đầu năm 1945 Bắc Kỳ bị mất mùa.

Hoa thương thời kỳ này buộc phải chia sẻ lợi ích xay xát gạo với người Nhật. Từ năm 1943 Nhật can thiệp sâu vào hệ thống các nhà máy xay xát gạo ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Người Nhật đã kiểm soát 4 nhà máy với công suất 1.455 tấn/ngày, trong khi toàn bộ các nhà máy xay ở Sài Gòn - Chợ Lớn có công suất 7.400 tấn/ngày, tức là chiếm 20% công suất của toàn bộ các nhà máy xay (33). Các công ty Nhật dần kiểm soát hoạt động xuất khẩu gạo ở Nam Kỳ. Vị thế và quyền lợi của Hoa thương đã bị mất đi rất nhiều.

Số lượng gạo xuất khẩu sang Pháp, các thuộc địa của Pháp và châu Âu giảm mạnh, trong khi đó số lượng gạo xuất khẩu sang Nhật tăng nhanh chóng.

Tổng lượng gạo xuất sang Nhật thời kỳ 1940-1945 là 2.675.000 tấn, trung bình 445.833 tấn/năm (34). Trước Thế chiến thứ hai Việt Nam từng xuất khẩu gạo sang Nhật nhưng với số lượng rất ít, ví dụ năm 1921 xuất khẩu 105.000 tấn, năm 1923 là 39.000 tấn và năm 1929 là 48.000 tấn. Cũng có năm Pháp không bán gạo sang thị

trường Nhật. Trong thời kỳ 1940-1945, Nhật trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam. Đến đầu năm 1945 do bị liên quân Mỹ - Anh khống chế đường biển, đường bộ nên không một tấn gạo nào được xuất sang Nhật. Hãng Mitsui của Nhật bị tổn kho với số lượng lớn.

Gạo Nam Kỳ không chỉ bị thực dân Pháp vớt xuất khẩu sang Nhật mà còn được chở ra Bắc và Trung Kỳ để vừa nuôi quân Pháp, quân Nhật và bán kiếm lời. Tổng số gạo chở từ Nam Kỳ ra Bắc và Trung Kỳ trong thời gian 1940-1945 là 650.795 tấn, trong đó chuyên chở bằng tàu thủy ra Bắc Kỳ là 345.200 tấn, Trung Kỳ là 194.400 tấn; chuyên chở bằng đường sắt ra Bắc Kỳ là 29.020 tấn, Trung Kỳ là 91.175 tấn (35).

Mặc dù Bắc Kỳ rơi vào cảnh thiếu gạo và phải nhập khẩu từ Nam Kỳ, nhưng vẫn phải gồng mình xuất khẩu 83.577 tấn năm 1941 và 18.098 tấn năm 1942. Ngoài ra Bắc Kỳ còn phải cung ứng đủ gạo cho quân Nhật sử dụng, dự trữ và nấu cồn. Nguy cơ nạn đói tới gần nhưng Nhật và Pháp vẫn buộc dân Bắc Kỳ bán thóc cho chúng. Vụ tháng 10-1942, số thóc Bắc Kỳ phải bán cho Pháp là 18.098 tấn, vụ tháng 5 và tháng 10-1943 là 130.205 tấn, và vụ tháng 5 và tháng 10-1944 là 186.180 tấn (36).

Từ cuối năm 1944 Bắc Kỳ rơi vào tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, trong khi đó Nhật - Pháp vẫn tăng cường vớt gạo ở đây. Đến đầu năm 1945 gạo từ Nam Kỳ không thể chở ra bán ở Bắc Kỳ vì quân Mỹ đã khống chế tuyến đường vận tải biển, đường sông và đường bộ. Giới đầu cơ không chịu bán gạo để trục lợi. Một số thương nhân cố tìm cách chở gạo ra Bắc Kỳ thì bị Nhật - Pháp cản trở. Chúng bắt họ phải bán lại cho chúng 75% số gạo với giá quy định. Giá gạo ở Bắc Kỳ leo thang vùn vụt

theo ngày. Kết quả là gần 2 triệu người, chủ yếu là ở Bắc Kỳ bị chết đói vì không có gạo ăn.

4. Nhận xét

Ngay sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp đã bãi bỏ chính sách cấm xuất khẩu gạo của triều Nguyễn. Xuất khẩu gạo đã nhanh chóng đưa thương mại Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới. Gạo là mặt hàng xuất khẩu chiến lược hàng đầu ở Việt Nam về giá trị. Đến đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo. Hạt gạo Việt Nam đã được xuất khẩu sang hơn 30 nước. Những thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản và một số nước khác châu Á. Hồng Kông là đầu mối trung chuyển quan trọng trước khi gạo Việt Nam xuất sang các thị trường khác.

Xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đã làm cho nông nghiệp Việt Nam dịch chuyển từ tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hóa. Xuất khẩu gạo còn thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến và các ngành dịch vụ phụ trợ khác như vận tải, cơ khí và sửa chữa. Hạt gạo Việt Nam là động lực cho kinh tế chính quốc phát triển. Nếu không có được khoản tiền to lớn từ xuất khẩu gạo thì Việt Nam lấy đâu ra tiền để mua hàng của chính quốc. Các khoản thanh toán quốc tế, nhất là giữa Pháp và Việt Nam chủ yếu dựa trên nguồn tiền có được từ xuất khẩu gạo. Không chỉ thương mại mà công nghiệp và ngành chăn nuôi của Pháp cũng được hưởng lợi từ hạt gạo xuất khẩu của Việt Nam.

Số lượng gạo xuất khẩu tăng không đồng đều bởi có những năm, những thời kỳ lượng gạo xuất khẩu sụt giảm mạnh. Nguyên nhân là do thị trường quốc tế, chiến tranh, thiên tai và sự thiếu sự đầu tư thỏa đáng vào nông nghiệp. Mặc dù Việt

Nam đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo nhưng năng suất lúa thuộc hàng thấp nhất thế giới, Nam Kỳ chỉ đạt 12 tạ/ha. Năng suất thấp là do cơ sở hạ tầng yếu kém, kỹ thuật canh tác lạc hậu và lối bóc lột kiểu phong kiến. Số lượng gạo xuất khẩu ở ba kỳ có sự chênh lệch quá lớn. Trung Kỳ hầu như không có gạo xuất khẩu. Bắc Kỳ có xuất khẩu gạo nhưng ít. Đa số gạo xuất khẩu là của Nam Kỳ.

Hoa thương đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động xuất khẩu gạo ở Việt Nam. Họ có nhiều lợi thế trong kinh doanh gạo như thông thạo địa hình, nắm được các đầu mối thu mua gạo với giá rẻ nhất và biết bán gạo ra các thị trường có lợi nhất. Không chỉ có được một mạng lưới thu mua gạo sâu rộng ở Việt Nam, họ còn thiết lập được một hệ thống phân phối gạo quốc tế. Thực dân Pháp buộc phải hợp tác với Hoa thương trong lĩnh vực xuất khẩu gạo dựa trên tinh thần đôi bên cùng có lợi. Chúng coi Hoa thương vừa là đối thủ cạnh tranh vừa là đồng minh về kinh tế, sử dụng Hoa thương để chế ngự và chống lại tư sản người Việt. Hoa thương được người Pháp tạo điều kiện thuận lợi hơn so với người Việt trong kinh doanh. Thế lực kinh tế của Hoa thương lớn hơn nhiều so với người Việt Nam.

Tư bản Pháp, Hoa thương và địa chủ bản xứ được hưởng lợi từ xuất khẩu gạo, còn người nông dân trực tiếp làm ra hạt gạo lại chịu nhiều thiệt thòi nhất. Họ trở thành nạn nhân khi bị thực dân và địa chủ cướp đoạt ruộng đất, bị phá sản hàng loạt và rơi vào tình trạng bán cùng hóa. Sau khi bị đẩy ra khỏi mảnh ruộng của mình, đa số nông dân buộc phải trói chặt thân phận mình với địa chủ, chịu sự đè nén và bóc lột tột cùng của địa chủ. Tư bản hóa nông nghiệp là cần thiết để xây dựng nền kinh tế hiện đại. Muốn có lượng nông sản xuất

khẩu lớn thì cần phải xóa bỏ tình trạng sản xuất manh mún. Thế nhưng người Pháp hám lợi chỉ biết cướp đoạt mà không có biện pháp nào để đảm bảo đời sống cho người nông dân. Do đó đã tồn tại một nghịch lý lớn trong việc thụ hưởng lợi ích từ xuất khẩu gạo giữa chính quốc với thuộc địa, giữa người sản xuất và người xuất khẩu.

Xuất khẩu gạo có liên quan chặt chẽ đến cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Bị cướp đoạt ruộng đất và lúa gạo nên mâu thuẫn giữa nông dân với đế quốc và địa chủ ngày càng thêm sâu sắc. Cuối năm 1944 đầu năm

1945, trong khi người dân Bắc Kỳ mất mùa, giá gạo lên từng ngày thì bọn thực dân và phát xít vẫn ra sức vơ vét gạo với số lượng lớn để tích trữ. Chúng đã không có biện pháp nào để cứu đói dân nghèo, để mặc 2 triệu đồng bào ta chết đói. Mâu thuẫn dân tộc được đẩy lên tột đỉnh. Trong bối cảnh đó, Đảng đã đề ra khẩu hiệu: “*Phá kho thóc Nhật*” để cứu đói dân nghèo. Khẩu hiệu này đã đáp ứng được nguyện vọng cấp bách của nông dân. Sự vùng lên đấu tranh mạnh mẽ của nông dân đã góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

CHÚ THÍCH

(1), (2), Trương Thị Yến: *Chính sách thương nghiệp của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Hà Nội, 2004, tr. 149, 147.

(3), Phạm Quang Trung: *Chính sách vơ vét lúa gạo của tư bản Pháp và quá trình phát triển của giai cấp địa chủ ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, 1985, tr. 23.

(5), (6), Nguyễn Phan Quang, Trần Thanh Thanh: *Sài Gòn và thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1938*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 5, 2000, tr. 33, 34.

(4), (12), (15), (19), (20), Nguyễn Phan Quang: *Thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945*, in trong sách *Một số công trình sử học*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 1170, 1174, 1175, 1078, 1175.

(7), (8), (9) Martinez: *Chinese rice and Shipping from Hai Phong*, p. 85-90.

(10), (13), Lê Huỳnh Hoa: *Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1860-1939)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr. 119, 140.

(11), (14), (26), (30), Nguyễn Văn Khánh: *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, tr. 211-213, 57, 116, 212-214.

(16), Đinh Xuân Lâm: *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t. 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 213.

(17) Tổng hợp từ Lê Huỳnh Hoa: *Cảng Sài Gòn...*, *ltdđ*, tr. 150 và Nguyễn Phan Quang: *Thị trường...*, *sđtđ*, tr. 1169.

(18), (24), Jean Pierre Aumiphin: *Sự hiện diện tài chính và hình thức của Pháp ở Đông Dương (1859-1939)*, Hà Nội, 1994, tr. 145.

(21), (29), Vũ Thị Minh Hương: *Nội thương Bắc Kỳ 1919-1929*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội, 2002, tr. 72.

(22), Nguyễn Thế Anh: *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008, tr. 185.

(23), Tổng hợp từ Hà Phú Hương: *Vấn đề xuất cảng lúa gạo ở Nam Bộ qua các giai đoạn lịch sử*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 40, 1967, tr. 55 và Vũ Thị Minh Hương: *Nội thương Bắc Kỳ 1919-1929...*, *ltdđ*, tr. 72.

(Xem tiếp trang 76)

"Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh yêu nước và đấu tranh giai cấp ở nước ta trong thời đại mới".

(12). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 19-20.

(13). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 10-13.

(14). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, T. 21, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 904.

XUẤT KHẨU GẠO Ở VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC...

(Tiếp theo trang 25)

(25), Tổng hợp từ nguồn: Hà Phú Hương: *Vấn đề xuất cảng...*, tldd, tr. 55 và Nguyễn Phan Quang: *Thị trường lúa gạo...*, sdd, tr. 1068.

(27), (28), Hà Phú Hương: *Vấn đề xuất cảng...*, tldd, tr. 55.

(30), (32), (35), (36), Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bích, Nguyễn Khắc Dạm: *Cách mạng cận đại Việt Nam: Xã hội Việt Nam trong thời Pháp-Nhật*, q 1, t. 8, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1967, tr. 77, 159, 174, 175.

(31), Kiều Tuấn Anh: *Vấn đề lúa gạo ở Việt Nam giai đoạn 1939-1945*, Khoa luận tốt nghiệp Lịch sử, 2000, tr. 60.

(33), Nguyễn Phan Quang: *Người Hoa trên thị trường lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1945)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1, 2002, tr. 87.

(34), Văn Tạo - F.Motomo: *Nạn đói 1945 ở Việt Nam - Những chứng tích lịch sử*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 606.